VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet

Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet[1].

---

[1] Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019 có căn cứ ban hành như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, bao gồm: đăng ký, phân bổ, cấp, sử dụng, hoàn trả, tạm ngừng, thu hồi, giải quyết tranh chấp, đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực Internet Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *ICANN* là tên viết tắt của tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế, có thẩm quyền quản lý hệ thống tên miền cấp cao nhất toàn cầu.

2. *VNNIC* là tên viết tắt của Trung tâm Internet Việt Nam, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. *Nhà đăng ký tên miền* là tổ chức thực hiện dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền bao gồm Nhà đăng ký tên miền ".vn" và Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam.

4. *Tên miền* là tên được sử dụng để định danh địa chỉ Internet của máy chủ gồm các dãy ký tự cách nhau bằng dấu chấm ".". Tên miền bao gồm:

"Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet."

a) Tên miền dùng các kí tự dựa trên cơ sở bảng mã ASCII, sau đây gọi là tên miền mã ASCII;

b) Tên miền dùng bảng chữ cái dựa trên cơ sở ngôn ngữ truyền thống của từng quốc gia, sau đây gọi là tên miền đa ngữ (IDN).

5. *Tên miền cấp cao nhất* là dãy ký tự cuối cùng trong cấu trúc tên miền toàn cầu. Tên miền cấp cao nhất (TLD) bao gồm:

a) *Tên miền chung cấp cao nhất (gTLD)* là các tên miền ".com"; ".net"; ".edu"; ".org"; ".int"; ".biz"; ".info"; ".name"; ".pro"; ".aero"; ".museum"; ".coop" và những tên miền chung cấp cao nhất khác;

b) *Tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD)* là tên miền cấp cao nhất dành riêng cho mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ quy định theo chuẩn quốc tế về mã quốc gia (ISO-3166), trong đó tên miền ".vn" là tên miền quốc gia Việt Nam cấp cao nhất.

6[2]. ***(được bãi bỏ)***

7. *Tên miền quốc gia Việt Nam* là tập hợp tên miền các cấp dưới tên miền quốc gia Việt Nam cấp cao nhất ".vn" (sau đây gọi chung là tên miền ".vn") và tên miền các cấp dưới tên miền cấp cao nhất khác thuộc quyền quản lý của Việt Nam.

8. *Tên miền quốc tế* là tên miền các cấp dưới tên miền chung cấp cao nhất (gTLD) và tên miền các cấp dưới tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD), ngoài tên miền quốc gia Việt Nam.

9. *Tên miền các cấp (cấp 2, cấp 3,...)* là các dãy ký tự tạo nên tên miền theo trật tự lần lượt nằm dưới tên miền cấp cao nhất.

10. *Địa chỉ Internet (địa chỉ IP)* là địa chỉ mạng của thiết bị, máy chủ bao gồm các thế hệ địa chỉ IPv4, IPv6 và các thế hệ địa chỉ mới tiếp theo.

---

[2] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

11. *Số hiệu mạng* là số được sử dụng để định danh một mạng máy tính tham gia vào hoạt động định tuyến chung trên Internet.

12. *Hệ thống máy chủ tên miền (hệ thống DNS)* là tập hợp các cụm máy chủ được kết nối với nhau để trả lời địa chỉ IP tương ứng với một tên miền khi được hỏi đến. Hệ thống DNS quốc gia là hệ thống DNS do VNNIC trực tiếp quản lý phục vụ việc truy vấn địa chỉ IP cho tên miền các cấp dưới tên miền ".vn".

13.[3] ***(được bãi bỏ)***

14. *Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền (sau đây gọi tắt là chủ thể)* là các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký và được cấp quyền sử dụng tên miền ".vn".

15[4]. *Thành viên địa chỉ* là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp, phân bổ địa chỉ IP từ Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC).

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet

1. Tài nguyên Internet được quy hoạch thống nhất để bảo đảm cho hoạt động Internet của Việt Nam an toàn, tin cậy và hiệu quả.

2. Tài nguyên Internet liên quan tới chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia; đến các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được ưu tiên bảo vệ và không được xâm phạm.

3. Việc quản lý, sử dụng tài nguyên Internet phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng quy định và không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

---

[3] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế, nghiêm chỉnh thực hiện và tôn trọng điều ước, pháp luật quốc tế trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài nguyên Internet.

5. Tài nguyên Internet chỉ được đưa vào hoạt động hoặc được tiếp tục duy trì hoạt động sau khi cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tài nguyên Internet đã thực hiện việc nộp phí và lệ phí theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của VNNIC

1. Tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet hiệu quả, đúng quy định.

2. Bảo đảm an toàn việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và bí mật thông tin của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tài nguyên Internet theo quy định.

3. Đầu tư, quản lý, khai thác hệ thống DNS quốc gia và các hệ thống kỹ thuật phục vụ việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet hiệu quả, an toàn, đúng quy định.

4. Báo cáo tình hình và thống kê số liệu liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

5. Xây dựng và trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt hợp đồng mẫu ký với Nhà đăng ký tên miền ".vn"; hợp đồng mẫu ký với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền các cấp dưới New gTLD vào từng thời kỳ phù hợp với yêu cầu thực tiễn và các quy định của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia là thành viên.

6. Tổ chức thỏa thuận, ký kết và thực hiện hợp đồng với Nhà đăng ký tên miền ".vn"; với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền các cấp dưới New gTLD phù hợp với quy hoạch và quy định quản lý tài nguyên Internet.

7. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các Nhà đăng ký tên miền ".vn"; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền các cấp dưới New gTLD bảo đảm đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký giữa hai bên.

8. Thực hiện bảo vệ các tên miền ".vn" liên quan tới chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia.

Chương II
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM

Điều 5. Cấu trúc tên miền ".vn"

1. Tên miền ".vn" bao gồm tên miền không dấu và tên miền tiếng Việt:

a) Tên miền không dấu là tên miền mã ASCII, trong đó các ký tự tạo nên tên miền là các ký tự được quy định trong bảng mã ASCII, bao gồm tên miền không dấu các cấp dưới tên miền ".vn";

b) Tên miền tiếng Việt là tên miền đa ngữ, trong đó các ký tự tạo nên tên miền là các ký tự được quy định trong bảng mã tiếng Việt, bảng mã tiếng Việt mở rộng theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001 và dấu "-", bao gồm tên miền tiếng Việt các cấp dưới tên miền ".vn".

2. Tên miền không dấu bao gồm:

a) Tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực;

b) Tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính;

c) Tên miền không dấu cấp 2 dùng riêng;

d) Tên miền không dấu cấp 3 dưới tên miền không dấu cấp 2 dùng chung.

3. Tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực là tên miền không dấu được đặt theo tên các lĩnh vực hoạt động trong đời sống xã hội và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, bao gồm:

a) COM.VN dành cho tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại;

b) BIZ.VN dành cho tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại (tương đương với tên miền COM.VN);

c) EDU.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

d) GOV.VN dành cho các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương;

đ) NET.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực thiết lập và cung cấp các dịch vụ trên mạng;

e) ORG.VN dành cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội;

g) INT.VN dành cho các tổ chức quốc tế;

h) AC.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu;

i) PRO.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực có tính chuyên ngành cao;

k) INFO.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phân phối, cung cấp thông tin;

l) HEALTH.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực dược, y tế;

m)[5] NAME.VN dành cho các tổ chức, cá nhân đăng ký theo tên gọi như tên đầy đủ, tên viết tắt, tên thương mại, tên bí danh... của tổ chức, cá nhân;

n) Những tên miền khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

4. Tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính là tên miền được đặt theo tên các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không có dấu và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào (hanoi.vn, haiphong.vn,...).

5. Tên miền không dấu cấp 2 dùng riêng là tên miền không dấu dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng.

6. Tên miền không dấu cấp 3 là tên miền không dấu nằm dưới tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực, tên miền không dấu cấp 2 dùng chung

---

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

phân theo địa giới hành chính và dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng.

7. Tên miền tiếng Việt bao gồm tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính, tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng riêng và tên miền tiếng Việt cấp 3 dưới tên miền tiếng Việt cấp 2 phân theo địa giới hành chính.

a) Tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính là tên miền tiếng Việt được đặt theo tên các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào (hànội.vn, hảiphòng.vn...);

b) Tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng riêng là tên miền tiếng Việt dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng;

c) Tên miền tiếng Việt cấp 3 là tên miền tiếng Việt dưới tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính và dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng.

Điều 6. Đăng ký tên miền ".vn"

1. Đăng ký tên miền ".vn" được thực hiện theo nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử, đăng ký trước được quyền sử dụng trước, ngoại trừ:

a) Các tên miền thuộc phạm vi ưu tiên bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này;

b) Các tên miền được dành cho đấu giá theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Tên miền do tổ chức, cá nhân tự chọn để đăng ký, nhưng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Không có các cụm từ xâm phạm đến chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia hoặc vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục của dân tộc;

b) Rõ ràng, nghiêm túc, không gây hiểu nhầm hoặc xuyên tạc do tính đa âm, đa nghĩa hoặc khi không dùng dấu trong tiếng Việt;

c) Có ít nhất một hoặc một dãy ký tự dưới tên miền cấp cao ".vn";

d) Được chứa các ký tự từ a đến z; 0 đến 9; các ký tự tiếng Việt trong bảng chữ cái tiếng Việt và tất cả các ký tự được hệ thống máy chủ tên miền trên mạng chấp nhận. Các ký tự này không phân biệt viết hoa hay viết thường;

đ) Được chứa dấu gạch nối "-" nhưng không được bắt đầu hoặc kết thúc với ký tự này và không được có hai dấu gạch nối "-" đi liền nhau trong tên miền;

e) Ở mỗi cấp không được nhiều hơn 63 ký tự (đối với tên miền tiếng Việt, số lượng ký tự được tính theo chiều dài sau chuyển đổi thành chuỗi không dấu ASCII);

g)[6] Không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 23b Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

h)[7] Không phải là tên miền có các cụm từ dễ gây nhầm lẫn là trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội nếu chủ thể đăng ký sử dụng không phải đối tượng được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép thiết lập mạng xã hội theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Sử dụng tên miền ".vn"

1. Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền phải chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tên miền đăng ký theo đúng quy định của pháp luật về tài nguyên Internet.

---

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

[7] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

2.[8] ***(được bãi bỏ)***

3.[9] ***(được bãi bỏ)***

4. Trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội thuộc đối tượng cấp phép phải sử dụng ít nhất 01 tên miền ".vn" và lưu giữ thông tin tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam.

Điều 8. Bảo vệ tên miền ".vn"

1. Bảo vệ tất cả các cấp của tên miền ".vn" liên quan tới chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, bao gồm:

a) Tên miền là tên các địa bàn quan trọng thuộc khu vực biên giới, tên các đảo, quần đảo, tên biển, vùng biển Việt Nam;

b) Tên miền là tên các địa danh của Việt Nam đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới;

c) Tên miền là tên gọi của tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Công đoàn Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam...);

d) Các tên miền liên quan đến hoạt động bảo đảm an ninh, quốc phòng, ngoại giao của đất nước;

đ) Các tên miền khác cần được bảo vệ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

---

[8] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

[9] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến các tên miền được quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm đăng ký, giữ chỗ bảo vệ tên miền với Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC).

3. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh sách các tên miền được ưu tiên bảo vệ.

4. VNNIC giữ chỗ, bảo vệ các tên miền trong danh sách được phê duyệt.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không liên quan đến tên miền được bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều này không được đăng ký các tên miền được bảo vệ.

Điều 9.[10] ***(được bãi bỏ)***

Điều 10. Thủ tục đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền ".vn"

1. Hồ sơ đăng ký:

Khi thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền ".vn", chủ thể phải nộp Bản khai đăng ký tên miền, Đơn đề nghị thay đổi thông tin đăng ký tên miền hoặc Đơn đề nghị hoàn trả tên miền. Mẫu Bản khai đăng ký tên miền, Đơn đề nghị thay đổi thông tin đăng ký tên miền, Đơn đề nghị hoàn trả tên miền do Nhà đăng ký tên miền ".vn" quy định tại trang thông tin điện tử của Nhà đăng ký, nhưng phải bảo đảm đầy đủ thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Địa chỉ đăng ký:

a) Hồ sơ đăng ký tên miền nộp tại các Nhà đăng ký tên miền ".vn" có tên trong danh sách được công bố tại địa chỉ: www.nhadangky.vn;

b) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền nộp tại Nhà đăng ký tên miền ".vn" đang quản lý tên miền.

---

[10] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

3.[11] Phương thức nộp hồ sơ đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền:

a) Nộp trực tiếp tại các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền ".vn". Trong trường hợp chủ thể đăng ký tên miền là cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền khi nộp hồ sơ trực tiếp xuất trình Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài);

b) Gửi hồ sơ đến các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền ".vn". Hồ sơ đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền có chủ thể là cá nhân gửi kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài) của chủ thể đứng tên đăng ký tên miền;

c) Thực hiện trực tuyến thông qua công cụ đăng ký, quản lý hồ sơ tên miền trực tuyến của Nhà đăng ký (không áp dụng đối với các hồ sơ thay đổi thông tin, hồ sơ hoàn trả tên miền):

Chủ thể tên miền nộp hồ sơ đăng ký tên miền trực tuyến thông qua công cụ đăng ký, quản lý hồ sơ tên miền trực tuyến của Nhà đăng ký và có trách nhiệm hoàn thiện thông tin đăng ký theo quy định tại trang thông tin điện tử của Nhà đăng ký. Nhà đăng ký có trách nhiệm xác thực thông tin cung cấp của chủ thể. Danh sách Nhà đăng ký được công bố bởi VNNIC tại địa chỉ: www.nhadangky.vn."

4. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền hợp lệ, Nhà đăng ký tên miền ".vn" thông báo tới chủ thể kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp từ chối, thông báo nêu rõ lý do.

5. Không được đăng ký các tên miền không đúng cấu trúc quy định tại Điều 5, vi phạm quy định đăng ký tên miền tại Điều 6 hoặc các tên miền vi phạm quy định bảo vệ tên miền tại Điều 8 của Thông tư này.

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

6.[12] Việc đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng tên miền được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà dẫn tới sự thay đổi về quyền sử dụng tên miền;

c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp mà dẫn tới sự thay đổi về quyền sử dụng tên miền;

d) Cá nhân thay đổi họ, tên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7.[13] Các trường hợp được phép đổi tên chủ thể nêu tại khoản 6 Điều này, ngoài Đơn đề nghị thay đổi thông tin đăng ký tên miền, chủ thể sử dụng tên miền bổ sung bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc hoặc bản sao có chứng thực quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc các giấy tờ chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng tên miền theo các phương thức nộp hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này.

8. Không được hoàn trả tên miền đang trong quá trình xử lý vi phạm, chưa có kết luận cuối cùng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Căn cứ và thủ tục tạm ngừng hoạt động tên miền ".vn"

1. Các căn cứ tạm ngừng hoạt động tên miền:

a) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan điều tra khi tiến hành các hoạt động nghiệp vụ để ngăn chặn kịp thời các hành vi gây mất an ninh thông tin trong hoạt động bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật;

---

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

b) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông khi tiến hành các hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hoặc khi cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông tiến hành các hoạt động phối hợp với thanh tra các Bộ, ngành khác có thẩm quyền để ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm các quy định về thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật;

c) Sau 05 (năm) ngày kể từ ngày tên miền hết hạn sử dụng theo quy định, chủ thể đăng ký tên miền không thực hiện việc nộp phí duy trì tên miền;

d)[14] Các trường hợp không xác định được chủ thể do mạo danh đăng ký tên miền; tên miền có thông tin đăng ký không chính xác; chủ thể tên miền là tổ chức đã giải thể hoặc không còn tồn tại.

2. Trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này:

a) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) thực hiện việc tạm ngừng hoạt động tên miền được yêu cầu trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia; đồng thời yêu cầu Nhà đăng ký tên miền ".vn" gửi văn bản thông báo về việc tạm ngừng tên miền đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày VNNIC có thông báo tạm ngừng hoạt động tên miền;

b) Thời gian tạm ngừng hoạt động tên miền không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày. Sau thời gian tạm ngừng, VNNIC đưa tên miền vào hoạt động trở lại nếu tên miền không thuộc các trường hợp phải thực hiện việc thu hồi theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

3. Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này:

a) Sau thời hạn quy định, tên miền không nộp phí duy trì sẽ bị tự động tạm ngừng hoạt động;

---

[14] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

b) Trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền, nếu chủ thể đăng ký tên miền nộp phí duy trì tên miền theo quy định thì sẽ được tiếp tục sử dụng tên miền đã đăng ký.

4.[15] Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

a) Sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày VNNIC hoặc Nhà đăng ký yêu cầu cập nhật, bổ sung thông tin mà chủ thể đăng ký tên miền không thực hiện, tên miền bị tạm ngừng hoạt động trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia. Nhà đăng ký gửi thông báo về việc tạm ngừng hoạt động tên miền đến chủ thể tên miền trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi tên miền tạm ngừng hoạt động;

b) Trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền, nếu chủ thể đăng ký tên miền cập nhật, bổ sung hoặc hoàn thiện thông tin, tên miền được gỡ bỏ trạng thái tạm ngừng hoạt động.

Điều 12. Thủ tục thu hồi tên miền ".vn"

1. Tên miền ".vn" bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a)[16] Theo văn bản hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải; quyết định, phán quyết của trọng tài theo quy định của pháp luật về trọng tài hoặc theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án trong giải quyết tranh chấp tên miền;

b) Theo văn bản yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với các trường hợp thu hồi tên miền quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 50 Luật Viễn thông;

---

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

[16] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

c) Theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông có biện pháp khắc phục hậu quả là thu hồi tên miền hoặc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu phương tiện vi phạm khi việc sử dụng tên miền vi phạm các quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

d) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan điều tra hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật phụ trách về an ninh thông tin, tội phạm công nghệ cao khi việc sử dụng tên miền xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật;

đ) Sau 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư này, chủ thể đăng ký tên miền không nộp phí duy trì tên miền theo quy định;

e)[17] Tên miền vi phạm nguyên tắc đặt tên quy định tại khoản 2 Điều 6; quy định về bảo vệ tên miền tại Điều 8 hoặc sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Thông tư này, chủ thể không bổ sung, cập nhật, hoàn thiện thông tin đăng ký;

g)[18] Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

2.[19] Trường hợp thu hồi tên miền như quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 1 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) thực hiện:

---

[17] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

[18] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

[19] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

a) Ngừng hoạt động các tên miền bị thu hồi trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia;

b) Yêu cầu Nhà đăng ký tên miền gửi văn bản thông báo về việc thu hồi tên miền cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày VNNIC có thông báo tạm ngừng hoạt động tên miền.

3. Trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày thu hồi tên miền, các tổ chức, cá nhân có tên miền bị thu hồi theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này không được đăng ký sử dụng các tên miền đã bị thu hồi.

4. Trong trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

a) Sau khi nhận được thông báo trực tuyến "Danh sách các tên miền không nộp phí duy trì" có chữ ký số của các Nhà đăng ký tên miền ".vn", VNNIC quyết định thu hồi tên miền bằng việc định kỳ hàng tuần gửi xác nhận trực tuyến "Danh sách các tên miền bị thu hồi" có chữ ký số của VNNIC đến các Nhà đăng ký tên miền có liên quan;

b) VNNIC thực hiện việc ngừng hoạt động các tên miền bị thu hồi trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia và yêu cầu Nhà đăng ký tên miền ".vn" thông báo việc thu hồi tên miền cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan bằng đường văn bản hoặc bằng thư điện tử trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày VNNIC quyết định thu hồi tên miền.

5. Sau khi xem xét nếu thấy các tên miền bị thu hồi không thuộc các trường hợp vi phạm quy định đăng ký tên miền ".vn" tại Điều 6 Thông tư này, VNNIC đưa các tên miền bị thu hồi về trạng thái tự do để cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký sử dụng.

Điều 13. Đăng ký và sử dụng tên miền dưới ".gov.vn"

Ngoài các quy định tại các Điều 6, 7, 8, 10, 11, 12 Thông tư này, việc đăng ký và sử dụng tên miền ".gov.vn" phải bảo đảm các quy định sau:

1. Đối tượng được đăng ký tên miền dưới ".gov.vn" bao gồm:

a) Các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương được quy định tại các Luật về tổ chức Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Viện

kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân; các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Các đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của các cơ quan nhà nước quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Tên miền ".gov.vn" phải đặt theo tên gọi của cơ quan, đơn vị một cách cụ thể, rõ ràng, dễ phân biệt với tên của các tổ chức khác và phù hợp với chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản ban hành bởi cơ quan có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị đăng ký sử dụng tên miền ".gov.vn".

3. Người chịu trách nhiệm quản lý tên miền ".gov.vn" phải là người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền thuộc cơ quan, đơn vị đăng ký tên miền theo quy định của pháp luật; Bản khai đăng ký tên miền dưới ".gov.vn" theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối với các tên miền được bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này, việc đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả các tên miền ".gov.vn" tuân thủ các quy định sau:

a) Được thực hiện thông qua các Nhà đăng ký tên miền ".vn" trong nước;

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Nhà đăng ký tên miền ".vn" trong nước có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho VNNIC để xem xét quyết định. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, VNNIC thông báo kết quả xử lý cho Nhà đăng ký tên miền ".vn" bằng đường thư điện tử để phối hợp thực hiện và yêu cầu Nhà đăng ký thông báo kết quả xử lý cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Việc tạm ngừng, thu hồi các tên miền ".gov.vn", các tên miền được bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này do Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) trực tiếp xem xét giải quyết.

Điều 14. Hệ thống tra cứu thông tin tên miền ".vn"

1. Hệ thống tra cứu thông tin tên miền ".vn" (Whois VN) là hệ thống cung cấp công khai, trực tuyến các thông tin về tên miền ".vn" và chủ thể.

2. Hệ thống tra cứu thông tin tên miền ".vn" (Whois VN) bao gồm hệ thống Whois VN cung cấp bởi VNNIC tại địa chỉ whois.vn và các hệ thống Whois VN cung cấp bởi các Nhà đăng ký tên miền ".vn".

3. Thông tin trên hệ thống Whois VN bao gồm:

a) Tên miền;

b) Ngày đăng ký, ngày hết hạn;

c) Tên cơ quan, tổ chức hoặc họ và tên của cá nhân;

d) Nhà đăng ký quản lý tên miền;

đ) Thông tin về máy chủ tên miền chuyển giao.

4. Thông tin trên hệ thống Whois VN quy định tại khoản 3 Điều này được cung cấp công khai trên mạng Internet và phục vụ cho việc quản lý và sử dụng tên miền ".vn".

Điều 15. Chuyển đổi nhà đăng ký tên miền ".vn"

1.[20] Việc chuyển đổi nhà đăng ký tên miền ".vn" được thực hiện theo yêu cầu của Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền và khi có sự thống nhất của Nhà đăng ký đang quản lý tên miền và Nhà đăng ký mà chủ thể có nhu cầu chuyển tên miền đến. Khi có yêu cầu của chủ thể, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền phải thực hiện các thủ tục để chuyển đổi nhà đăng ký và không được gây cản trở khi chủ thể đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong thỏa thuận về đăng ký, duy trì tên miền ".vn" với Nhà đăng ký. Trường hợp từ chối thực hiện yêu cầu chuyển đổi nhà đăng ký tên miền của chủ thể, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền phải có văn bản nêu rõ lý do từ chối, gửi trả lời cho chủ thể.

2. Tên miền không được phép chuyển đổi nhà đăng ký trong các trường hợp sau:

a) Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày tên miền được đăng ký mới;

b) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi tên miền hết hạn sử dụng;

---

[20] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

c) Tên miền đang trong quá trình xử lý vi phạm;

d) Tên miền đang bị tạm ngừng;

đ) Tên miền đang có tranh chấp.

3. Trong trường hợp Nhà đăng ký tên miền ".vn" không còn khả năng quản lý tên miền của mình, số tên miền đó sẽ được chuyển sang quản lý tại một Nhà đăng ký tên miền ".vn" khác theo thỏa thuận giữa hai Nhà đăng ký trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày làm việc, sau khi được Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) chấp thuận bằng văn bản hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC).

Điều 16. Quản lý tên miền ".vn" trong quá trình giải quyết tranh chấp

1. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, VNNIC hoặc Nhà đăng ký tên miền thực hiện giữ nguyên hiện trạng đăng ký, sử dụng tên miền căn cứ vào văn bản yêu cầu của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp có đề nghị giữ nguyên hiện trạng tên miền bằng văn bản của các bên có tranh chấp, VNNIC xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.[21] Trường hợp văn bản hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải; quyết định, phán quyết của trọng tài theo quy định của pháp luật về trọng tài; bản án, quyết định của tòa án nêu rõ tên miền tranh chấp bị thu hồi cho phép nguyên đơn đăng ký sử dụng thì người được thi hành án (là nguyên đơn trong vụ việc giải quyết tranh chấp) được ưu tiên đăng ký trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày văn bản, quyết định, phán quyết, bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn này tên miền sẽ được cho đăng ký tự do.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của chủ thể đăng ký sử dụng tên miền ".vn"

1. Đăng ký và sử dụng tên miền ".vn" theo quy định của pháp luật.

---

[21] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

2. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện khi việc đăng ký, sử dụng tên miền ".vn" của mình bị can thiệp, bị xâm phạm không đúng với quy định của pháp luật.

3. Lựa chọn nhà đăng ký trong hệ thống Nhà đăng ký tên miền ".vn" để đăng ký tên miền hoặc để chuyển đổi nhà đăng ký tên miền.

4. Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin khi đăng ký tên miền theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý thông tin tên miền của mình; thông báo, cập nhật thông tin theo hướng dẫn của Nhà đăng ký quản lý tên miền mỗi khi có thay đổi thông tin và có trách nhiệm kiểm tra, cung cấp cập nhật lại thông tin chính xác khi có yêu cầu từ Nhà đăng ký quản lý tên miền hoặc VNNIC.

5. Tham gia, phối hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chống việc lạm dụng tên miền thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

6. Triển khai các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn cho tên miền và thông tin cung cấp kèm theo tên miền đăng ký, sử dụng.

Điều 18. Đăng ký và sử dụng New gTLD tại Việt Nam

1. Đăng ký và sử dụng New gTLD

a) Để sử dụng New gTLD, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải có Bản khai các thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến bằng văn bản về việc sử dụng tên miền New gTLD trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

c) Văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ sở để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tiến hành thủ tục đăng ký New gTLD với ICANN. Sau 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nếu Bộ Thông tin và Truyền thông không có ý kiến trả lời thì các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tiến hành thủ tục đăng ký New gTLD;

d) Trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày được ICANN chính thức chuyển giao New gTLD, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải có công văn thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC);

đ) New gTLD do các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam đăng ký và sử dụng được Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý theo các quy định của pháp luật về tài nguyên Internet.

2. Các tên miền cấp dưới New gTLD:

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chỉ được cấp các tên miền cấp dưới New gTLD mà mình đã đăng ký cho các đơn vị thành viên hoặc các cá nhân trực thuộc cơ quan, tổ chức;

b) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu cấp phát tên miền cấp dưới New gTLD mà mình đã đăng ký cho các tổ chức, cá nhân khác ngoài các đơn vị thành viên hoặc các cá nhân trực thuộc cơ quan, tổ chức phải có văn bản gửi Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày Bộ Thông tin và Truyền thông đồng ý bằng văn bản, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện việc ký hợp đồng với VNNIC để triển khai dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền các cấp dưới New gTLD tại Việt Nam;

d) Hoạt động cấp phát tên miền cấp dưới New gTLD tuân thủ theo các quy định của pháp luật về quản lý tài nguyên Internet.

Chương III
ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG TÊN MIỀN QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM

Điều 19. Thủ tục đăng ký tên miền quốc tế với nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam

1. Hồ sơ đăng ký:

Bản khai đăng ký tên miền quốc tế do Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam quy định tại trang thông tin điện tử của Nhà đăng ký, nhưng phải đảm bảo đầy đủ thông tin và đáp ứng các yêu cầu theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Địa chỉ đăng ký:

Danh sách và địa chỉ liên hệ của các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam được công bố tại địa chỉ: www.thongbaotenmien.vn, mục Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam.

3. Phương thức đăng ký:

a) Nộp hồ sơ đăng ký tên miền trực tiếp tại các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam: khi nộp hồ sơ đăng ký tên miền, cá nhân đăng ký tên miền hoặc người thay mặt cơ quan, tổ chức làm thủ tục đăng ký tên miền cần xuất trình Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài);

b) Gửi hồ sơ đăng ký tên miền đến các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam qua đường bưu chính: khi gửi hồ sơ đăng ký tên miền qua đường bưu chính, cá nhân đăng ký tên miền hoặc người thay mặt cơ quan, tổ chức làm thủ tục đăng ký tên miền cần gửi kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài);

c) Thực hiện trực tuyến thông qua trang thông tin điện tử của các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam trong trường hợp sử dụng chữ ký số.

Điều 20. Thông báo sử dụng tên miền quốc tế

1. Thời gian thông báo: Trước khi tổ chức, cá nhân đưa tên miền quốc tế đã đăng ký vào sử dụng.

2. Thực hiện thông báo tại địa chỉ: www.thongbaotenmien.vn.

3. Nội dung thông báo:

a) Đối với cơ quan, tổ chức: tên cơ quan, tổ chức ghi trong quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các loại Giấy chứng nhận hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật doanh nghiệp năm 2014), Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện; địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, hộp thư điện tử; họ và tên người quản lý tên miền kèm theo địa chỉ, số điện thoại, hộp thư điện tử, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu đối với người nước ngoài;

b) Đối với cá nhân: Họ và tên; địa chỉ thường trú; số điện thoại; hộp thư điện tử; số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài;

c) Tên miền đưa vào sử dụng.

4. Thay đổi thông tin:

a) Khi có sự thay đổi thông tin đã thông báo, tổ chức, cá nhân sử dụng tên miền quốc tế phải sử dụng tên truy cập và mật khẩu đã được cấp để thực hiện việc bổ sung, thay đổi hay xóa các thông tin liên quan đến tên miền quốc tế đang sử dụng tại địa chỉ: www.thongbaotenmien.vn;

b) Trường hợp quên, mất mật khẩu hoặc tên miền đã bị người khác thông báo sử dụng, chủ thể phải có văn bản gửi VNNIC để hỗ trợ cấp lại mật khẩu và điều chỉnh thông tin.

Điều 21.[22] ***(được bãi bỏ)***

Chương IV
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐỊA CHỈ IP VÀ SỐ HIỆU MẠNG

Điều 22. Nguyên tắc cấp, phân bổ và sử dụng địa chỉ IP

1.[23] Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thiết lập mạng kết nối với Internet được quyền đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ IP (khuyến khích việc đăng ký sử dụng địa chỉ IPv6) để sử dụng nội bộ hoặc cấp lại cho khách hàng có kết nối đến mạng cung cấp dịch vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (trong trường hợp được cung cấp dịch vụ Internet) và được đề nghị thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ IP trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn tới sự

---

[22] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

[23] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

thay đổi về tổ chức quản lý, vận hành mạng lưới, dịch vụ đang sử dụng vùng địa chỉ IP;

c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, dẫn tới sự thay đổi về tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành mạng lưới, dịch vụ đang sử dụng vùng địa chỉ IP.

2. Địa chỉ IP được cấp, phân bổ cho nhu cầu sử dụng thực tế và có giá trị sử dụng trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoạt động Internet phải đảm bảo:

a) Thực hiện việc định tuyến các vùng địa chỉ IP ở Việt Nam theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC);

b) Không được định tuyến những vùng địa chỉ IP nằm ngoài danh mục quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) trừ trường hợp kết nối với cổng quốc tế;

c) Phối hợp với VNNIC về kỹ thuật và chính sách định tuyến để đảm bảo hệ thống DNS quốc gia và trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX), Internet Việt Nam hoạt động an toàn, hiệu quả;

d) Có kế hoạch đưa địa chỉ IPv6 đi vào hoạt động phù hợp kế hoạch hành động quốc gia về IPv6.

3. Quá thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày cấp, phân bổ mà địa chỉ không được đưa vào sử dụng trên mạng sẽ bị thu hồi, nếu không giải trình được mục đích sử dụng chính đáng trên mạng lưới.

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không còn nhu cầu sử dụng địa chỉ IP phải có văn bản hoàn trả gửi Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC). Các vùng địa chỉ hoàn trả sẽ được cấp, phân bổ lại cho những cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác có nhu cầu.

5. Trong giai đoạn cạn kiệt IPv4:

a) Việc cấp, phân bổ mới IPv4 áp dụng theo chính sách cấp phát hạn chế quy định bởi tổ chức quản lý địa chỉ khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (APNIC), được công bố tại địa chỉ www.apnic.net;

b) Việc nhận địa chỉ IP trực tiếp từ các tổ chức quốc tế phải tuân thủ theo quy định của các tổ chức quản lý tài nguyên địa chỉ quốc tế và quy định tại Điều 27 Thông tư này. Vùng địa chỉ IP quốc tế sau khi hoàn tất các thủ tục tiếp nhận vào Việt Nam theo quy định sẽ được coi là tài nguyên Internet và chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên Internet;

c) Việc cấp, phân bổ lại các vùng địa chỉ IPv4 sau thu hồi hoặc hoàn trả của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ theo các quy định và quy trình thủ tục tại Điều 24 Thông tư này.

Điều 23. Thủ tục cấp, phân bổ địa chỉ IP

1.[24] Hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ IP bao gồm:

a) "Bản khai đăng ký địa chỉ IP" theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính Quyết định thành lập hoặc các loại Giấy chứng nhận hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Doanh nghiệp năm 2014 hoặc Mã số doanh nghiệp;

c) Trong trường hợp cấp, phân bổ địa chỉ IP do thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ IP theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư này, ngoài thành phần hồ sơ quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bổ sung bản gốc hoặc bản sao có chứng thực quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng địa chỉ IP.

2. Địa chỉ đăng ký:

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ IP nộp hồ sơ về Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC).

---

[24] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

3.[25] Phương thức nộp hồ sơ:

a) Nộp trực tiếp tại trụ sở của VNNIC;

b) Gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến trụ sở của VNNIC;

c) Thực hiện trực tuyến tại địa chỉ www.diachiip.vn."

4.[26] Thời hạn trả lời kết quả hoặc Quyết định cấp, phân bổ địa chỉ IP cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối cấp, phân bổ, Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 24. Cấp, phân bổ lại các vùng địa chỉ IPv4 sau hoàn trả hoặc thu hồi

1. Việc cấp, phân bổ lại các vùng địa chỉ IPv4 tại Việt Nam sau hoàn trả hoặc thu hồi không bị điều chỉnh theo các quy định tại điểm a khoản 5 Điều 22 Thông tư này.

2. Các vùng địa chỉ IPv4 còn trống do thu hồi hoặc hoàn trả từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam được cấp, phân bổ lại cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng theo các nguyên tắc sau:

a) Đến trước, xét duyệt xử lý hồ sơ trước;

b) Chưa có địa chỉ IPv4 để sử dụng hoặc đã có địa chỉ nhưng giải trình được đã sử dụng hết ít nhất 80% các vùng địa chỉ IPv4 được cấp, phân bổ trước đó đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp, phân bổ địa chỉ;

c) Thuyết minh mức độ cần thiết và khả năng sử dụng ngay vùng địa chỉ đề nghị cấp, phân bổ;

---

[25] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

[26] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

d) Trường hợp được xét cấp, phân bổ lại vùng địa chỉ IPv4, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ hoàn tất nghĩa vụ nộp phí, lệ phí sử dụng địa chỉ IP tại Việt Nam theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Quy trình cấp, phân bổ lại:

a) Khi có vùng địa chỉ IPv4 thu hồi hoặc được hoàn trả từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, VNNIC niêm yết thông tin về vùng địa chỉ và thời điểm mở tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ lại vùng địa chỉ tại địa chỉ website www.diachiip.vn;

b) Việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ tuân thủ theo các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc xử lý hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ, VNNIC ban hành quyết định cấp, phân bổ lại địa chỉ và thông báo tại địa chỉ website: www.diachiip.vn về kết quả cuối cùng của đợt cấp, phân bổ lại.

Điều 25. Nguyên tắc cấp, phân bổ và sử dụng số hiệu mạng

1.[27] Theo nhu cầu sử dụng thực tế của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp, phân bổ địa chỉ IP từ VNNIC được quyền đề nghị cấp, phân bổ số hiệu mạng và được đề nghị thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng số hiệu mạng trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn tới sự thay đổi về tổ chức quản lý, vận hành mạng lưới, dịch vụ đang sử dụng số hiệu mạng;

c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, dẫn tới sự thay đổi về tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành mạng lưới, dịch vụ đang sử dụng số hiệu mạng.

---

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

2. Sử dụng số hiệu mạng vào vùng địa chỉ IP của Việt Nam với chính sách định tuyến độc lập, kết nối với những nhà cung cấp dịch vụ có chính sách định tuyến khác nhau.

3. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp, phân bổ số hiệu mạng chỉ được sử dụng số hiệu mạng đó trong phạm vi mạng của mình.

4. Quá thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày cấp, phân bổ, số hiệu mạng không được đưa vào sử dụng trên mạng Internet sẽ bị thu hồi, nếu không giải trình được mục đích sử dụng chính đáng trên mạng lưới.

5. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không còn nhu cầu sử dụng số hiệu mạng phải có văn bản hoàn trả gửi Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC). Các số hiệu mạng hoàn trả sẽ được cấp, phân bổ lại cho những cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác có nhu cầu.

6. Việc nhận số hiệu mạng trực tiếp từ các tổ chức quốc tế phải tuân thủ theo quy định của các tổ chức quản lý tài nguyên địa chỉ quốc tế và quy định tại Điều 27 Thông tư này. Số hiệu mạng sau khi hoàn tất các thủ tục tiếp nhận vào Việt Nam theo quy định sẽ được coi là tài nguyên Internet và chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên Internet.

Điều 26. Thủ tục cấp, phân bổ số hiệu mạng

1.[28] Hồ sơ đăng ký:

a) “Bản khai đăng ký số hiệu mạng" theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trong trường hợp cấp số hiệu mạng do thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng số hiệu mạng quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư này, ngoài thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bổ sung bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc hoặc bản sao có chứng thực

[28] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng số hiệu mạng.

2. Địa chỉ đăng ký:

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp, phân bổ số hiệu mạng nộp hồ sơ về Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC).

3.[29] Phương thức nộp hồ sơ:

a) Nộp trực tiếp tại trụ sở của VNNIC;

b) Gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến trụ sở của VNNIC;

c) Thực hiện trực tuyến tại địa chỉ www.diachiip.vn."

4. Thời hạn trả lời kết quả hoặc cấp Quyết định cấp, phân bổ số hiệu mạng cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định. Trong trường hợp từ chối cấp, phân bổ, VNNIC có thông báo qua đường thư điện tử đến cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

Điều 27. Nhận địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng trực tiếp từ các tổ chức quốc tế

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở Việt Nam khi có nhu cầu nhận địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng trực tiếp từ các tổ chức quốc tế phải thực hiện:

1. Báo cáo tiếp nhận vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này để đưa vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng vào danh mục quản lý tập trung của VNNIC.

2. Trả các khoản phí phát sinh theo quy định của các tổ chức quản lý địa chỉ quốc tế để có thể thực hiện chuyển vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng vào danh mục quản lý tập trung của VNNIC.

3. Nộp phí duy trì sử dụng vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng theo quy định của Bộ Tài chính.

---

[29] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

Điều 28. Thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng

Địa chỉ IP, số hiệu mạng bị thu hồi trong các trường hợp sau:

1. Theo văn bản yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với các trường hợp thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 50 Luật Viễn thông.

2. Theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông có biện pháp khắc phục là thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng, hoặc áp dụng hình thức phạt bổ sung tịch thu phương tiện vi phạm khi việc sử dụng địa chỉ IP, số hiệu mạng vi phạm các quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

3. Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan điều tra hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật phụ trách về an ninh thông tin, tội phạm công nghệ cao khi việc sử dụng địa chỉ IP, số hiệu mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Địa chỉ IP, số hiệu mạng vi phạm quy định nêu tại khoản 3 Điều 22 và khoản 4 Điều 25 Thông tư này.

5. Sau 30 (ba mươi) ngày kể từ thời điểm vùng địa chỉ IP, số hiệu mạng hết thời hạn sử dụng mà cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không nộp phí duy trì theo quy định.

6. Đối với các trường hợp thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) ban hành quyết định thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng; thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan. Trường hợp địa chỉ IP phải thu hồi thuộc vùng địa chỉ do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet đã cấp cho khách hàng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm thực hiện việc thu hồi vùng địa chỉ đã cấp cho khách hàng.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nhiệp được cấp, phân bổ địa chỉ IP và số hiệu mạng

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp, phân bổ các vùng địa chỉ IP được công nhận là thành viên địa chỉ của VNNIC.

2. Thành viên địa chỉ tự xây dựng chính sách định tuyến cho các vùng địa chỉ IP được cấp, phân bổ phù hợp với tình hình mạng lưới của mình và không được cản trở việc quảng bá định tuyến hợp lệ của các vùng địa chỉ IP.

3. Thành viên địa chỉ có trách nhiệm khai báo, cập nhật đầy đủ thông tin sử dụng các vùng địa chỉ IP và số hiệu mạng đã được cấp theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC).

4. Thành viên địa chỉ có trách nhiệm xác minh và xử lý ngay các địa chỉ IP, số hiệu mạng thuộc phạm vi quản lý của mình có liên quan đến các hành vi vi phạm pháp luật khi nhận được thông báo của Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) hoặc của các cơ quan có thẩm quyền khác.

5. Chỉ các thành viên địa chỉ có giấy phép cung cấp dịch vụ Internet mới được cấp phát lại địa chỉ IP cho khách hàng hoặc tổ chức khác.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[30]

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2015.

2. Bãi bỏ các quy định tại:

a) Thông tư số 19/2014/TT-BTTTT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

b) Điều 1 Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số

---

[30] Điều 2 của Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, bổ sung, sửa đổi."

09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008;

c) Thông tư số 10/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về giải quyết tranh chấp tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

d) Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 02/VBHN-BTTTT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2019

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục 1[31]: ***(được bãi bỏ)***

[31] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

Phụ lục 2[32]: ***(được bãi bỏ)***

[32] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

Phụ lục 3: Bản khai đăng ký tên miền ".vn"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN ".VN"

(Dành cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)

Kính gửi: Tên của Nhà đăng ký tên miền ".vn"

1. Tên miền đăng ký *(Số lượng tên miền đăng ký)*	.....
2. NĐK quản lý tên miền	.....
3. Máy chủ DNS chuyển giao *(**Lưu ý**: Mục này bắt buộc phải khai báo đầy đủ tối thiểu 02 máy chủ*	Tên DNS Primary:..... Địa chỉ IP *(nếu là máy chủ tự dựng)*:..... Tên DNS Secondary :..... Địa chỉ IP: *(nếu là máy chủ tự dựng)*:..... .....
4. Chủ thể đăng ký tên miền Tên Chủ thể * Tên giao dịch Quốc tế và tên viết tắt *(nếu là tổ chức)* Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại * Fax Email * Mã số doanh nghiệp*[33] Postcode:	....

[33] Nội dung này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

5. Người quản lý tên Họ và tên * Số CMTND/Hộ chiếu *(đối với cá nhân người nước ngoài)* * Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại * Email * Postcode:	....
6. Người quản lý kỹ thuật Họ và tên * Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại * Fax Email * Postcode	....
7. Người thanh toán Họ và tên * Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại * Fax Email * Postcode	....

8. Người thay mặt cơ quan làm thủ tục đăng ký tên miền Họ và tên * Số CMTND/Hộ chiếu *(đối với cá nhân người nước ngoài)* * Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại * Email * Postcode	....

Chủ thể đăng ký tên miền cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày..... tháng.... năm.....

Xác nhận của chủ thể đăng ký tên miền

(Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu)

Lưu ý: - Các thông tin có dấu (*) là bắt buộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN ".VN"
(Dành cho cá nhân)
Kính gửi: Tên của Nhà đăng ký tên miền ".vn"

1. Tên miền đăng ký *(Số lượng tên miền đăng ký)*	.....
2. NĐK quản lý tên miền	.....
3. Máy chủ DNS chuyển giao ***(Lưu ý:*** *Mục này bắt buộc phải khai báo đầy đủ tối thiểu 02 máy chủ)*	Tên DNS Primary:..... Địa chỉ IP *(nếu là máy chủ tự dựng)*:..... Tên DNS Secondary:..... Địa chỉ IP *(nếu là máy chủ tự dựng)*:..... .....
4. Thông tin cá nhân Tên Chủ thể * Năm sinh * Số CMTND/Hộ chiếu *(đối với cá nhân người nước ngoài)* * Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại * Email * Postcode:	....

Chủ thể đăng ký tên miền cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Xác nhận của chủ thể đăng ký tên miền
(Ký và ghi rõ họ và tên)

Lưu ý: - Các thông tin có dấu (*) là bắt buộc

Phụ lục 4: Đơn đề nghị thay đổi thông tin tên miền đăng ký

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI THÔNG TIN TÊN MIỀN ".VN"

(Dành cho cá nhân; hoặc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)

Kính gửi: Tên của Nhà đăng ký tên miền ".vn"

Chúng tôi/tôi là chủ thể tên miền..... làm đơn đề nghị Nhà đăng ký..... xem xét và thay đổi thông tin của tên miền. Cụ thể như sau:

	Thông tin hiện tại	**Thông tin đề nghị được thay đổi**
Nội dung thông tin cần thay đổi: *(Tên chủ thể, thông tin liên hệ của chủ thể, máy chủ DNS,...)*	....	....
Lý do thay đổi thông tin	....	

Chúng tôi/tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của chủ thể tên miền

(Cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu, nếu là tổ chức)

Phụ lục 5: Đơn đề nghị hoàn trả tên miền ".vn"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ TÊN MIỀN ".VN"

(Dành cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)

Kính gửi: Tên của Nhà đăng ký tên miền ".vn"

Chúng tôi là chủ thể tên miền..... hiện nay không còn nhu cầu sử dụng nữa, chúng tôi làm đơn hoàn trả tên miền và đề nghị Nhà đăng ký..... xem xét thu hồi tên miền. Các thông tin chi tiết của tên miền như sau:

1. Tên miền đề nghị hoàn trả:

.....

- Ngày đăng ký:.....
- Ngày hết hạn:.....
- Nhà đăng ký quản lý:.....

2. Thông tin của chủ thể tên miền:

- Tên Cơ quan/Tổ chức/doanh nghiệp:

.....

- Tên Giao dịch Quốc tế *(nếu có)*:.....
- Tên viết tắt *(nếu có)*:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax (nếu có):.....
- Email:.....

3. Thông tin của người chịu trách nhiệm quản lý tên miền:

- Họ và tên:.....
- Số CMTND/hộ chiếu (đối với cá nhân người nước ngoài):.....

- Địa chỉ liên hệ:.....
- Điện thoại:.....
- Email:.....

4. Lý do hoàn trả tên miền:

.....

.....

.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của chủ thể tên miền

(Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ TÊN MIỀN "VN"

(Dành cho cá nhân)

Kính gửi: Tên của Nhà đăng ký tên miền ".vn"

Tôi là chủ thể tên miền..... hiện nay không còn nhu cầu sử dụng tên miền này nữa, tôi làm đơn hoàn trả tên miền và đề nghị Nhà đăng ký..... xem xét thu hồi tên miền. Các thông tin chi tiết của tên miền như sau:

1. Tên miền đề nghị hoàn trả:

.....

- Ngày đăng ký:.....
- Ngày hết hạn:.....
- Nhà đăng ký quản lý:.....

2. Thông tin của chủ thể tên miền:

- Họ và tên:..... Năm sinh:.....
- Số CMTND/Hộ chiếu *(đối với cá nhân người nước ngoài)*:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

3. Lý do hoàn trả tên miền:

.....

.....

.....

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của chủ thể tên miền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 6: Bản khai đăng ký tên miền dưới ".gov.vn"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN DƯỚI ".GOV.VN"

Kính gửi: Tên của Nhà đăng ký tên miền ".vn"

1. Tên miền đăng ký	.....
2. Nộp hồ sơ đăng ký tại NĐK tên miền.VN	.....
3. Máy chủ DNS chuyển giao *(**Lưu ý**: Mục này bắt buộc phải đã có khai báo đầy đủ tối thiểu 01 máy chủ Primary và 01 máy chủ Secondary trước khi nộp hồ sơ đăng ký).*	Tên DNS Primary:..... Địa chỉ IP *(nếu là máy chủ tự dựng)*:..... Tên DNS Secondary:..... Địa chỉ IP *(nếu là máy chủ tự dựng)*:.....
4. Chủ thể đăng ký tên miền*: Tên giao dịch Quốc tế và tên viết tắt Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại * Fax Hộp thư điện tử *	....

5. Người quản lý tên miền *(Người đại diện theo pháp luật, cấp trưởng hoặc người được cấp trưởng ủy quyền thuộc cơ quan, tổ chức đăng ký tên miền)*: Họ và tên*/Chức vụ * Số CMTND* Địa chỉ* Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại * Fax Hộp thư điện tử *	....
6. Người quản lý kỹ thuật Họ và tên */Chức vụ Địa chỉ* Tỉnh/thành phố * Quốc gia (nếu không phải là Việt Nam)* Số điện thoại * Fax Hộp thư điện tử *	....
7. Người đại diện của tổ chức làm thủ tục đăng ký tên miền Họ và tên*/Chức vụ * Số CMTND * Địa chỉ* Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là*	....

*Việt Nam)**	.....
Số điện thoại *	.....
Fax	.....
Hộp thư điện tử *	.....
8. Địa chỉ thanh toán	
Tên cá nhân người chịu trách nhiệm thanh toán *	.....
Địa chỉ*	.....
Tỉnh/thành phố *	.....
Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)**	.....
Số điện thoại *	.....
Fax	.....
Hộp thư điện tử *	.....

Tổ chức có nhu cầu đăng ký tên miền dưới ".gov.vn" cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày.... tháng.... năm.....

Xác nhận của chủ thể đăng ký tên miền

(Người đại diện theo pháp luật, cấp trưởng hoặc người được cấp trưởng ủy quyền thuộc cơ quan, tổ chức đăng ký tên miền ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Các thông tin có dấu (*) là bắt buộc

Phụ lục 7: Bản khai đăng ký và sử dụng tên miền chung mới cấp cao nhất (New gTLD) tại Việt Nam

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ VÀ SỬ DỤNG TÊN MIỀN CHUNG MỚI CẤP CAO NHẤT (NEW GTLD) TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Thông tin tổ chức	Tên tổ chức: ..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... Website: ..... Ghi chú:.....
2. Đăng ký thông tin về người chịu trách nhiệm chính của tổ chức trong việc quản lý New gTLD	**Người lãnh đạo cao nhất của tổ chức:** Họ tên:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... **Người chịu trách nhiệm quản lý New gTLD:** Họ tên:..... Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... Người quản lý kỹ thuật:..... Họ tên:..... Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:.....

3. Thông tin về New gTLD có nhu cầu đăng ký với ICANN	New gTLD: .....
4. Kế hoạch sử dụng New gTLD	*(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng New gTLD tại đây)*
5. Tài liệu gửi kèm	(1) Thuyết minh về hạ tầng mạng lưới kỹ thuật; hệ thống máy chủ DNS quản lý New gTLD. (2) Dự báo đánh giá tác động xã hội, ảnh hưởng đối với hoạt động Internet Việt Nam khi sử dụng New gTLD tại Việt Nam.
6. Thông tin bổ sung	

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị đăng ký và sử dụng New gTLD tại Việt Nam cam kết các thông tin đã cung cấp là hoàn toàn chính xác và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

(Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 8: Bản khai đăng ký tên miền quốc tế.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN QUỐC TẾ

(Dành cho Tổ chức)

Kính gửi: Tên của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam

1. Tên miền đăng ký	.....
2. Máy chủ DNS chuyển giao *(**Lưu ý**: Mục này bắt buộc phải đã có khai báo đầy đủ tối thiểu 01 máy chủ Primary và 01 máy chủ Secondary trước khi nộp hồ sơ đăng ký).*	Tên DNS Primary: ..... Địa chỉ IP: ..... Tên DNS Secondary: ..... Địa chỉ IP: ..... Tên DNS Secondary: ..... Địa chỉ IP: .....
3. Chủ thể đăng ký tên miền quốc tế Tên Chủ thể * Tên giao dịch Quốc tế và tên viết tắt Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại * Fax Hộp thư điện tử *	....

4. Người quản lý tên miền Họ và tên*/Chức vụ * Số CMTND * Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại* Fax Hộp thư điện tử *	 ....
5. Người quản lý kỹ thuật Họ và tên*/Chức vụ Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại * Fax Hộp thư điện tử *	 ....
6. Người đại diện của tổ chức làm thủ tục đăng ký tên miền Họ và tên*/Chức vụ * Số CMTND * Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số điện thoại * Fax Hộp thư điện tử *	 ....

7. Địa chỉ thanh toán	
Tên cơ quan thanh toán *	.....
Người chịu trách nhiệm thanh toán: *	.....
Địa chỉ *	.....
Tỉnh/thành phố *	.....
Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)**	.....
Số điện thoại *	.....
Fax:	.....
Hộp thư điện tử *	.....

Chủ thể đăng ký tên miền cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày.... tháng.....năm.....

Xác nhận của chủ thể đăng ký tên miền

(Người đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Các thông tin có dấu (*) là bắt buộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN QUỐC TẾ
(Dành cho Cá nhân)
Kính gửi: Tên của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam

1. Tên miền đăng ký	.....
2. Máy chủ DNS chuyển giao *(**Lưu ý:** Mục này bắt buộc phải đã có khai báo đầy đủ tối thiểu 01 máy chủ Primary và 01 máy chủ Secondary trước khi nộp hồ sơ đăng ký).*	Tên DNS Primary: ..... Địa chỉ IP: ..... Tên DNS Secondary: ..... Địa chỉ IP: ..... Tên DNS Secondary: ..... Địa chỉ IP: .....
3. Chủ thể đăng ký tên miền quốc tế Tên Chủ thể * Năm sinh * Địa chỉ * Tỉnh/thành phố * Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)** Số CMTND/Số hộ chiếu * Số điện thoại * Fax Hộp thư điện tử *	....

4. Địa chỉ thanh toán	
Tên người chịu trách nhiệm thanh toán: *	....
Địa chỉ *	.....
Tỉnh/thành phố *	.....
Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)**	....
Số điện thoại *	.....
Fax:	.....
Hộp thư điện tử *	.....

Chủ thể đăng ký tên miền cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày..... tháng.... năm....

Xác nhận của chủ thể đăng ký tên miền

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Lưu ý: Các thông tin có dấu (*) là bắt buộc

Phụ lục 9[34]**:** ***(được bãi bỏ)***

[34] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

Phụ lục 10: Bản khai đăng ký địa chỉ IP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ ĐỊA CHỈ IP

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam

1. Thông tin về cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp	Tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp: ..... Tên mạng (netname) thành viên: ..... *(netname phải đảm bảo duy nhất, không trùng với netname của các thành viên khác đã có)* Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... Website:..... Mã số doanh nghiệp[35]..... Ghi chú:.....
2. Đăng ký thông tin về người chịu trách nhiệm chính của cơ	**Người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp[36]:**

[35] Nội dung này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 14 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

[36] Nội dung này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 14 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

quan/tổ chức/doanh nghiệp trong việc quản lý các nguồn tài nguyên Internet được cấp *(địa chỉ email của người đã đăng ký trong mục này sẽ được đưa vào danh sách cho phép thực hiện các giao dịch qua email với VNNIC liên quan tới tài nguyên địa chỉ IP, ASN)*	Họ tên:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... **Người chịu trách nhiệm quản lý tài nguyên:** Họ tên:..... Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... **Người quản lý kỹ thuật:** Họ tên:..... Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:.....
3.[37] Vùng địa chỉ có đề nghị cấp	Loại địa chỉ (IPv4, IPv6):..... Prefix:..... (VD: */24 IPv4 hoặc /48 IP6)*
4. Kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ hiện có đề nghị cấp	*(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ IP có nhu cầu nghị cấp tại đây)*
5.[38] Thông tin kết nối	Peering Contact 1: Số hiệu mạng, tên tổ chức, người liên hệ, số điện thoại, email

[37] Nội dung *"Lưu ý: nếu đề nghị cấp IPv4, tổ chức không thể xin quá prefix/22 trong giai đoạn này"* được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

[38] Nội dung *"(Áp dụng đối với cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp không phải là ISP, kết nối đa hướng, cần cung cấp thông tin cho ít nhất 02 hướng kết nối)"* được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 14 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

	Peering Contact 2: Số hiệu mạng, tên tổ chức, người liên hệ, số điện thoại, email VD: Peering Contact: AS7643, VDC, Nguyen Xuan A, 04-23456789, nguyenxuana@vdc.com.vn
6. Các tài liệu nộp kèm theo đơn	Sơ đồ cấu hình mạng hiện tại: ..... Tài liệu khác (nêu rõ):.....
7. Thông tin liên hệ về việc nộp phí duy trì, sử dụng địa chỉ	Đơn vị thanh toán: ..... Họ và tên/Chức vụ người chịu trách nhiệm nộp phí: ..... Địa chỉ thanh toán:..... Điện thoại/Fax: ..... Email:.....

Cơ quan/Tổ chức/Doanh nghiệp đăng ký địa chỉ IP cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày..... tháng.... năm.....

Xác nhận của tổ chức đăng ký[39]

(Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Trong trường hợp đề nghị thay đổi tên chủ thể sử dụng vùng địa chỉ, yêu cầu xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang đứng tên quản lý vùng địa chỉ IP".

[39] Nội dung này được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 14 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

Phụ lục 11: Bản khai đăng ký số hiệu mạng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ SỐ HIỆU MẠNG

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam

1. Thông tin thành viên	Tên thành viên:..... Tài khoản thành viên đã được cấp:.....
2. Số hiệu mạng thành viên đã được cấp *(nếu có)*	ASN1:..... ASN2:..... ASN3:.....
2a.[40] Số hiệu mạng đề nghị đổi tên chủ thể: *Trong trường hợp đề nghị thay đổi tên chủ thể sử dụng số hiệu mạng, tổ chức cung cấp số hiệu mạng có nhu cầu điều chuyển tại đây*	ASN1:..... ASN2:..... ASN3:.....

[40] Nội dung này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

3. Chính sách định tuyến cho số hiệu mạng dự định xin cấp	**Chính sách định tuyến hướng vào**: *([41]khai theo ngôn ngữ đặc tả chính sách định tuyến RPSL)* Ví dụ: import: from AS1234 action pref=100; accept ANY import: from AS5678 action pref=100; accept ANY
	Chính sách định tuyến hướng ra: *([42]khai theo ngôn ngữ đặc tả chính sách định tuyến RPSL)* Ví dụ: export: to AS1234 announce THIS AS export: to AS5678 announce THIS AS
4. Ngày dự định sử dụng số hiệu mạng xin cấp	.....
5. Ngày gửi yêu cầu	.....
6. Các tài liệu gửi kèm thông thường	Sơ đồ cấu hình mạng kết nối hiện tại:..... Tài liệu khác *(ghi rõ)*:.....
7. Danh mục tài liệu bổ sung trong trường hợp xin cấp ASN 2 byte *(các thông tin bổ sung bắt buộc phải được gửi kèm theo đơn)*	Đặc tả kỹ thuật của thiết bị hiện thành viên đang sử dụng và lý do không hỗ trợ ASN 4 byte của thiết bị. Thông báo của ISP cung cấp kết nối về việc không hỗ trợ ASN 4byte và lý do.

[41] Nội dung "tối thiểu 02 hướng" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

[42] Nội dung "tối thiểu 02 hướng" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

Cơ quan/Tổ chức/Doanh nghiệp đăng ký số hiệu mạng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày.... tháng.... năm.....

Xác nhận của tổ chức đăng ký[43]

(Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Trong trường hợp đề nghị thay đổi tên chủ thể sử dụng số hiệu mạng, yêu cầu xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang đứng tên quản lý số hiệu mạng.

[43] Nội dung này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

Phụ lục 12: Báo cáo tiếp nhận vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng từ tổ chức quốc tế

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾP NHẬN VÙNG ĐỊA CHỈ IP HOẶC SỐ HIỆU MẠNG TỪ TỔ CHỨC QUỐC TẾ

(Dành cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chưa là thành viên địa chỉ của Trung tâm Internet Việt Nam)

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam

1. Thông tin đăng ký thành viên	Tên tổ chức:..... Tên mạng thành viên (netname) tổ chức dự định đăng ký: ..... (*netname phải đảm bảo duy nhất, không trùng với netname của các thành viên khác đã có - tham khảo http://www.vnnic.vn/diachiip/danhsachthanhvien)* Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... Website: ..... Ghi chú:.....
2. Đăng ký thông tin về người chịu trách nhiệm chính của tổ chức trong việc quản lý các nguồn tài nguyên Internet được cấp *(địa chỉ email của người đã*	**Người lãnh đạo cao nhất của tổ chức**: Họ tên:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... **Người chịu trách nhiệm quản lý tài nguyên:** Họ tên:.....

đăng ký trong mục này sẽ được đưa vào danh sách cho phép thực hiện các giao dịch qua email với VNNIC liên quan tới tài nguyên địa chỉ IP, số hiệu mạng)	Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... **Người quản lý kỹ thuật:** Họ tên:..... Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ..... Số điện thoại/fax:..... Email:.....
3. Thông tin về vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng có nhu cầu tiếp nhận	Vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng:..... Thuộc tổ chức quản lý vùng: .....
4. Thông tin về tổ chức đang quản lý vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng	Tên tổ chức: ..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... Website: .....
5. Thông tin về người liên hệ của tổ chức đang quản lý vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng	Họ tên:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:.....
6. Kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng hiện có nhu cầu tiếp nhận	*(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng có nhu cầu tiếp nhận tại đây)*
7. Các tài liệu nộp kèm	Sơ đồ cấu hình mạng: ..... Tài liệu khác (nêu rõ):.....

8. Thông tin liên hệ về việc nộp phí duy trì sử dụng địa chỉ hoặc số hiệu mạng	Đơn vị thanh toán: ..... Họ và tên/Chức vụ người chịu trách nhiệm nộp phí: ..... Địa chỉ thanh toán:..... Điện thoại/Fax: ..... Email:.....

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký tiếp nhận địa chỉ IP/số hiệu mạng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày.... tháng.... năm.....

Xác nhận của tổ chức đăng ký

(Người đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾP NHẬN VÙNG ĐỊA CHỈ IP HOẶC SỐ HIỆU MẠNG TỪ TỔ CHỨC QUỐC TẾ

(Dành cho thành viên địa chỉ của Trung tâm Internet Việt Nam)

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam

1. Thông tin về thành viên	Tên thành viên:..... Tên tài khoản thành viên đã được cấp: .....
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm chính của thành viên trong việc quản lý các nguồn tài nguyên Internet sẽ tiếp nhận *(địa chỉ email của người đã đăng ký trong mục này sẽ được đưa vào danh sách cho phép thực hiện các giao dịch qua email với VNNIC liên quan tới tài nguyên địa chỉ IP, số hiệu mạng)*	**Người lãnh đạo cao nhất của thành viên:** Họ tên:..... Địa chỉ liên hệ: ..... Số điện thoại/fax: ..... Email: ..... **Người chịu trách nhiệm quản lý tài nguyên:** Họ tên:..... Chức vụ: ..... Địa chỉ liên hệ: ..... Số điện thoại/fax: ..... Email: ..... **Người quản lý kỹ thuật:** Họ tên:..... Chức vụ: ..... Địa chỉ liên hệ: ..... Số điện thoại/fax: ..... Email: .....

3. Các vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng thành viên đã được cấp và đang sử dụng	....
4. Thông tin về vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng có nhu cầu tiếp nhận	Vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng:..... Thuộc tổ chức quản lý vùng: .....
5. Thông tin về tổ chức đang quản lý vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng	Tên tổ chức: ..... Địa chỉ liên hệ: ..... Số điện thoại/fax: ..... Email: ..... Website: .....
6. Thông tin về người liên hệ của tổ chức đang quản lý vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng	Họ tên:..... Địa chỉ liên hệ: ..... Số điện thoại/fax: ..... Email: .....
7. Kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng hiện có nhu cầu tiếp nhận	*(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ IPv4 có nhu cầu tiếp nhận tại đây)*
8. Các tài liệu nộp kèm	Sơ đồ cấu hình mạng ..... Tổng hợp thông tin sử dụng các vùng địa chỉ IPv4 đã được cấp:..... Tài liệu khác *(nêu rõ)*:.....
9. Thông tin liên hệ về việc nộp phí duy trì sử dụng địa chỉ hoặc số hiệu mạng của thành viên	Đơn vị thanh toán:..... Họ và tên/Chức vụ người chịu trách nhiệm nộp phí: ..... Địa chỉ thanh toán: ..... Điện thoại/Fax:..... Email: .....

Thành viên tiếp nhận địa chỉ IP (số hiệu mạng) cam kết các thông tin đã cung cấp là hoàn toàn chính xác và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày..... tháng.... năm....

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN

(Người đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng